

**Phụ lục I-2011**  
**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2011**  
*(Kèm theo Công văn số 4335 /UBND-KTTH ngày 30 / 7 /2020 của UBND tỉnh Quảng Nam)*  
*(Số liệu báo cáo đến ngày 30/6/2019)*

*Đvt: đồng.*

TT	Đơn vị	Nội dung	Số tiền KTNN kiến nghị	Số đã thực hiện	Số còn lại tiếp tục thực hiện	So sánh TH/KN (%)	Ghi chú - Nguyên nhân chưa thực hiện
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>48.081.475.042</b>	<b>48.081.475.042</b>	<b>0</b>	<b>100%</b>	
<b>A</b>	<b>Các khoản tăng thu, tại Cục Thuế</b>		<b>2.082.968.449</b>	<b>2.082.968.449</b>	<b>0</b>	<b>100%</b>	
1	Tăng thu thuế nội địa		1.972.402.449	1.972.402.449	0	100%	
	Thuế Giá trị gia tăng		556.970.370	556.970.370	0	100%	
	Thuế TNDN		1.415.432.079	1.415.432.079	0	100%	
2	Tăng thu khác ngân sách		110.566.000	110.566.000	0	100%	
	Huyện Tây Giang (Phòng Tài nguyên và môi trường)	Thanh toán thừa cho nhà thầu của công trình Khu đất làng C' tu 0-CT 04 hạng hạng mục san nền khu Tây Bắc.	110.566.000	110.566.000		100%	
<b>B</b>	<b>Các khoản thu hồi, giảm chi NSNN</b>		<b>10.074.321.682</b>	<b>10.074.321.682</b>	<b>0</b>	<b>100%</b>	
I	Giảm chi thường xuyên		6.334.512.576	6.334.512.576	0	100%	
1	Thu hồi nộp NSNN (chi sai chế độ)		105.005.876	105.005.876	0	100%	
a)	<i>Khối tỉnh</i>		75.017.876	75.017.876	0	100%	
	Sở Y tế (Bệnh viện Y học cổ truyền)	Tiền thu viện phí vượt giá thuốc mua vào.	75.017.876	75.017.876	0	100%	
b)	<i>Khối huyện</i>		29.988.000	29.988.000	0	100%	
	Huyện Nam Trà My (xã Trà Mai)	Sửa chữa thường xuyên trụ sở UBND xã quyết toán sai khối lượng	29.988.000	29.988.000	0	100%	
2	Giảm thanh toán, dự toán NSNN		5.225.456.700	5.225.456.700	0	100%	
a)	<i>Khối tỉnh</i>		4.380.884.000	4.380.884.000	0	100%	
	- Sở Tài chính	Bổ trí thêm cho đủ nguồn cải cách tiền lương	4.373.000.000	4.373.000.000	0	100%	
	- Sở Lao động Thương binh XH (Văn phòng Sở)	Nguồn cải cách tiền lương xác định tăng thêm từ 40% nguồn thu phí và lệ phí.	7.884.000	7.884.000	0	100%	
b)	<i>Khối huyện</i>		844.572.700	844.572.700	0	100%	
	Huyện Tây Giang, gồm:		448.572.700	448.572.700	0	100%	
	- Phòng Tài nguyên môi trường	Chưa trích đủ 10% tạo nguồn CCTL	21.500.000	21.500.000	0	100%	
	- Phòng Kinh tế hạ tầng	nt	20.700.000	20.700.000	0	100%	
	- Phòng Lao động TB-XH	nt	19.400.000	19.400.000	0	100%	

TT	Đơn vị	Nội dung	Số tiền KTNN kiến nghị	Số đã thực hiện	Số còn lại tiếp tục thực hiện	So sánh TH/KN (%)	Ghi chú - Nguyên nhân chưa thực hiện
	- Phòng Nông nghiệp và PTNT	nt	25.700.000	25.700.000	0	100%	
	- Phòng Giáo dục	nt	21.300.000	21.300.000	0	100%	
	- Xã A Tiêng	nt	63.700.000	63.700.000	0	100%	
	- Xã Tr'hy	nt	59.600.000	59.600.000	0	100%	
	- Xã A Nông	nt	85.270.000	85.270.000	0	100%	
	- Xã Lăng	nt	69.702.700	69.702.700	0	100%	
	- Xã Bhalê	nt	61.700.000	61.700.000	0	100%	
	Huyện Phước Sơn (Phòng Tài chính – Kế hoạch)	Kinh phí 10% tiết kiệm chi thực hiện CCTL giao chưa đủ cho các đơn vị	396.000.000	396.000.000	0	100%	
3	Giám quyết toán (không đủ thủ tục)		1.004.050.000	1.004.050.000	0	100%	
	<i>Khởi huyện</i>		<i>1.004.050.000</i>	<i>1.004.050.000</i>	<i>0</i>	100%	
	Huyện Tây Giang	Kinh phí Chương trình 167 - Giám quyết toán do có 88 hộ chưa triển khai xây dựng và chưa nhận kinh phí hỗ trợ nhà ở	981.000.000	981.000.000	0	100%	
	Huyện Phước Sơn	Kinh phí Chương trình 167 - Giám quyết toán do có 01 nhà chưa triển khai xây dựng nhưng vẫn quyết toán	23.050.000	23.050.000	0	100%	
II	Giám chi đầu tư xây dựng		3.739.809.106	3.739.809.106	0	100%	
1	Thu hồi nộp NSNN (chi sai chế độ)		550.640.281	550.640.281	0	100%	
a)	<i>Khởi tỉnh</i>		<i>451.263.841</i>	<i>451.263.841</i>	<i>0</i>	100%	
	- Sở Tài chính		143.500.975	143.500.975	0	100%	
	Gồm:						
	Dự án đường GTNT xã Ba - xã Tư		34.195.000	34.195.000	0	100%	
	Dự án Đường cứu hộ, cứu nạn vùng Đông sông Trường Giang		42.543.000	42.543.000	0	100%	
	Dự án Đường Tiên Thọ- Tiên Hiệp		66.762.975	66.762.975	0	100%	
	- BQL dự án các công trình giao thông Quảng Nam	Dự án Đường 22/12	307.762.866	307.762.866	0	100%	
b)	<i>Khởi huyện</i>		<i>99.376.440</i>	<i>99.376.440</i>	<i>0</i>	100%	

TT	Đơn vị	Nội dung	Số tiền KTNN kiến nghị	Số đã thực hiện	Số còn lại tiếp tục thực hiện	So sánh TH/KN (%)	Ghi chú - Nguyên nhân chưa thực hiện
	Huyện Nam Trà My (Ban Quản lý các dự án ĐTXD huyện Nam Trà My)	Công trình Đường giao thông nông thôn thôn 3 đi thôn 2 Trà Cang đoạn Km 0+000 đến Km 2+582,58: 17.341.975 đồng; Công trình Đường GTNT Tắc Râu (Tây Giang): 47.337.465 đồng.	64.679.440	64.679.440	0	100%	
	Huyện Phước Sơn (Phòng Nông nghiệp PTNT)	Kinh phí chương trình 30a- Công trình Thủy lợi Đăk Ka Lang, xã Phước Mỹ	34.697.000	34.697.000	0	100%	
2	Giám cấp phát, thanh toán (chỉ sai chế độ)		1.874.066.732	1.874.066.732	0	100%	
a)	<i>Khối tỉnh</i>		1.312.940.232	1.312.940.232	0	100%	
	Ban Quản lý đường Nam Quảng Nam- Trà My- Trà Bồng	Dự án đường Trà My- Trà Bồng (đoạn tuyến Trà My- Sông Trường thuộc địa phận tỉnh Quảng Nam)	1.087.510.168	1.087.510.168	0	100%	
	Ban Quản lý các công trình giao thông Quảng Nam	Công trình Đường 22/12	9.823.064	9.823.064	0	100%	
	Ban Quản lý dự án đầu tư và XD thuộc Ban Quản lý khu Kinh tế mở Chu Lai		215.607.000	215.607.000	0	100%	
b)	<i>Gồm:</i>						
	Dự án ĐTXD 03 tuyến đường trục chính thuộc KDC Làng chài Duy Nghĩa Duy Xuyên giai đoạn 1		157.930.000	157.930.000	0	100%	
	Dự án Khu tái định cư Lệ Sơn giai đoạn 1- Thuộc Khu dân cư làng chài Duy Nghĩa (Khu tái định cư tập trung Duy Nghĩa)		57.677.000	57.677.000	0	100%	
b)	<i>Khối huyện</i>		561.126.500	561.126.500	0	100%	
	Huyện Tây Giang	<i>Kinh phí chương trình 30a</i>	561.126.500	561.126.500	0	100%	
	- Ban Quản lý dự án huyện Tây Giang	Dự án sản xuất nông nghiệp thôn Tà Làng : 47.609.631 đồng; Dự án Quy hoạch sắp xếp dân cư gắn với SXNN thôn Bha'duh : 54.977.000 đồng.	102.586.631	102.586.631	0	100%	
	- Phòng Nông nghiệp PTNT	Dự án Quy hoạch sắp xếp dân cư gắn với SXNN thôn A ró - hạng mục san ủi mặt bằng	305.600.000	305.600.000	0	100%	

TT	Đơn vị	Nội dung	Số tiền KTNN kiến nghị	Số đã thực hiện	Số còn lại tiếp tục thực hiện	So sánh TH/KN (%)	Ghi chú - Nguyên nhân chưa thực hiện
	- Huyện Tây Giang (Phòng Kinh tế hạ tầng)	Công trình đường giao thông khu dân cư quanh chợ huyện Tây Giang.	152.939.869	152.939.869	0	100%	
3	Giám giá trị trúng thầu		1.315.102.093	1.315.102.093	0	100%	
a)	Khôi tỉnh		1.315.102.093	1.315.102.093	0	100%	
	Ban Quản lý dự án các công trình giao thông Quảng Nam	Cầu Gò Nổi	1.315.102.093	1.315.102.093	0	100%	
<b>C</b>	<b>Các khoản phải nộp, hoàn trả và quản lý qua NSNN</b>		<b>34.704.765.895</b>	<b>34.704.765.895</b>	<b>0</b>	<b>100%</b>	
<b>I</b>	Các khoản ghi thu - ghi chi qua NSNN		461.000.000	461.000.000		100%	
	- Huyện Phước Sơn	Kinh phí chương trình 167- Ghi thu ghi chi tiền đóng góp của UBMTTQVN huyện	461.000.000	461.000.000	0	100%	
<b>II</b>	Các khoản khác		34.243.765.895	34.243.765.895	0	100%	
1	Bố trí nguồn hoàn trả		15.011.329.000	15.011.329.000	0	100%	
a)	Chi thường xuyên		275.880.000	275.880.000	0	100%	
	Khối huyện		275.880.000	275.880.000	0	100%	
	Huyện Nam Trà My		275.880.000	275.880.000	0	100%	
	- Phòng Lao động TBXH	Quyết toán kinh phí sự nghiệp khác thuộc nguồn ngân sách địa phương vào nguồn kinh phí 30a	225.880.000	225.880.000	0	100%	
	- Phòng kinh tế hạ tầng	Sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp 30a để chi cho sự nghiệp khoa học công nghệ	50.000.000	50.000.000	0	100%	
b)	Chi đầu tư XDCB		14.735.449.000	14.735.449.000	0	100%	
	Huyện Tây Giang		7.043.727.000	7.043.727.000	0	100%	
	- Phòng Tài chính kế hoạch	Bố trí vốn cho 15 danh mục công trình ngoài mục tiêu Nghị quyết 30a	7.043.727.000	7.043.727.000	0	100%	
	Huyện Phước Sơn		4.530.141.000	4.530.141.000	0	100%	
	- Phòng Tài chính kế hoạch	Bố trí vốn cho các công trình không thuộc Nghị quyết 30a	4.530.141.000	4.530.141.000	0	100%	
	Huyện Nam Trà My		3.161.581.000	3.161.581.000	0	100%	
	- Phòng Tài chính kế hoạch	Bố trí vốn cho các công trình không thuộc Nghị quyết 30a	3.161.581.000	3.161.581.000	0	100%	
2	Kiến nghị khác		19.232.436.895	19.232.436.895	0	100%	
a)	Chi thường xuyên		9.003.364.895	9.003.364.895	0	100%	
a.1.	Khôi tỉnh		8.316.794.478	8.316.794.478	0	100%	
	Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Nam	Giảm quyết toán kinh phí trợ giá báo Đảng:	2.095.794.478	2.095.794.478	0	100%	

TT	Đơn vị	Nội dung	Số tiền KTNN kiến nghị	Số đã thực hiện	Số còn lại tiếp tục thực hiện	So sánh TH/KN (%)	Ghi chú - Nguyên nhân chưa thực hiện
	Sở Tài chính	Bổ trí nguồn hoàn trả nguồn dự phòng Ngân sách tỉnh (đã sử dụng để bổ sung Quỹ Thi đua khen thưởng tỉnh)	6.221.000.000	6.221.000.000	0	100%	Đoàn Phúc tra T10/2019 ghi nhận
a.2.	Khôi huyện		686.570.417	686.570.417	0	100%	
	Huyện Tây Giang		212.912.564	212.912.564	0	100%	
	- Huyện ủy Tây Giang	Tăng chi chuyển nguồn, giảm quyết toán chi	162.778.364	162.778.364	0	100%	
	- Phòng Giáo dục	Tăng chi chuyển nguồn, giảm quyết toán chi	41.580.000	41.580.000	0	100%	
	- Xã Bhalê	Tăng chi chuyển nguồn, giảm quyết toán chi	8.554.200	8.554.200	0	100%	
	Huyện Phước Sơn		473.657.853	473.657.853	0	100%	
	- Xã Phước Xuân	Tăng chi chuyển nguồn, giảm kết dư	109.657.853	109.657.853	0	100%	CV số 565/KVIII-TH ngày 28/12/2018 V/v trả lời kiến nghị của UBND tỉnh Quảng Nam
	- Xã Phước Năng	Giảm chi chuyển nguồn, tăng kết dư	120.000.000	120.000.000	0	100%	
	- Xã Phước Hòa	Giảm chi chuyển nguồn, tăng kết dư	122.000.000	122.000.000	0	100%	
	- Thị trấn Khâm Đức	Giảm chi chuyển nguồn, tăng kết dư	122.000.000	122.000.000	0	100%	
b)	Chi đầu tư XD CB		10.229.072.000	10.229.072.000	0	100%	
b.1.	Khôi huyện		10.229.072.000	10.229.072.000	0	100%	
	- Huyện Phước Sơn		5.652.508.000	5.652.508.000	0	100%	
	Phòng Tài chính kế hoạch huyện	Điều chỉnh bổ sung đề án 7 công trình có mục tiêu trùng Nghị quyết 30a nhưng không có trong đề án được duyệt	5.652.508.000	5.652.508.000	0	100%	
	- Huyện Nam Trà My		4.576.564.000	4.576.564.000	0	100%	
	Phòng Tài chính kế hoạch huyện	Điều chỉnh bổ sung đề án 9 công trình có mục tiêu trùng Nghị quyết 30a nhưng không có trong đề án được duyệt	4.576.564.000	4.576.564.000	0	100%	
<b>D</b>	<b>Các khoản phải nộp khác</b>		<b>1.219.419.016</b>	<b>1.219.419.016</b>	<b>0</b>	<b>100%</b>	
1	Thu hồi nộp ngân sách Trung ương		1.219.419.016	1.219.419.016	0	100%	
	Sở Lao động TBXH (Văn phòng Sở), gồm:		1.219.419.016	1.219.419.016	0	100%	

<b>TT</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số tiền KTNN kiến nghị</b>	<b>Số đã thực hiện</b>	<b>Số còn lại tiếp tục thực hiện</b>	<b>So sánh TH/KN (%)</b>	<b>Ghi chú - Nguyên nhân chưa thực hiện</b>
	Kinh phí ưu đãi người có công thuộc NSTW		1.165.431.416	1.165.431.416	0	100%	
	Kinh phí TW hỗ trợ tập huấn còn lại trước năm 2003		10.000.000	10.000.000	0	100%	
	Kinh phí lập và xúc tiến dự án Trường dạy nghề Quảng Nam còn lại thuộc nguồn vốn ODA		43.987.600	43.987.600	0	100%	